

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2009 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2009

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6 - 7
GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	8 - 23

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty được gọi chung là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đỗ Đức Chiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Ông Trần Công Tào	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Ông Nguyễn Hữu Thành	Thành viên
Ông Lê Thuận Khương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2009)
Ông Nguyễn Xuân Sơn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2009)
Ông Hồ Sĩ Long	Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 8 năm 2009)
Ông Đặng Xuân Thọ	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Thành	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Sĩ Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sĩ Đàm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Xuân Thọ	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 3 năm 2009)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong giai đoạn. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả nhằm mục đích lập báo cáo tài chính một cách đúng đắn từ đó làm giảm đến mức tối thiểu những sai sót và gian lận.

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Hữu Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2009

Số: /Deloitte-AUDHCM-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí

Chúng tôi đã thực hiện soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cùng với các báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí và các công ty con (sau đây gọi chung là “Tổng Công ty”). Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện soát xét theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam áp dụng cho công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công tác soát xét để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Phạm Văn Thịnh
Phó Tổng Giám đốc kiêm Phó Giám đốc
Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0028/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 20 tháng 8 năm 2009
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Lê Chí Nguyên
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0049/KTV

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Ghi chú	30/6/2009	31/12/2008
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.137.455.500.479	1.293.963.961.733
I. Tiền	110		286.722.813.454	77.643.507.863
1. Tiền	111	4	286.722.813.454	77.643.507.863
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	236.500.000.000	4.962.389.882
1. Đầu tư ngắn hạn	121		236.500.000.000	17.641.827.882
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(12.679.438.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		649.758.729.643	513.367.537.731
1. Phải thu khách hàng	131		404.178.331.796	272.226.842.831
2. Trả trước cho người bán	132		224.128.957.157	213.007.499.901
3. Các khoản phải thu khác	135		35.386.103.007	30.375.113.702
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(13.934.662.317)	(2.241.918.703)
IV. Hàng tồn kho	140	6	842.576.825.616	623.439.939.592
1. Hàng tồn kho	141		850.045.181.237	639.467.746.751
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.468.355.621)	(16.027.807.159)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.897.131.766	74.550.586.665
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.469.946.687	565.875.281
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		56.225.454.511	70.727.516.903
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		7.644.348.103	109.955.060
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		56.557.382.465	3.147.239.421
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		321.452.043.664	303.772.787.521
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.415.846.611	3.144.256.672
1. Phải thu dài hạn khác	218		3.415.846.611	3.144.256.672
II. Tài sản cố định	220		299.081.395.644	293.470.110.158
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	94.001.383.855	98.180.551.938
- Nguyên giá	222		194.771.941.261	194.290.148.683
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(100.770.557.406)	(96.109.596.745)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	102.556.106.807	102.744.132.501
- Nguyên giá	228		103.720.189.301	103.720.189.301
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.164.082.494)	(976.056.800)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	102.523.904.982	92.545.425.719
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.800.000.000	4.584.637.588
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	16.800.000.000	4.584.637.588
IV. Tài sản dài hạn khác	260		2.154.801.409	2.573.783.103
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.154.801.409	2.573.783.103
TỔNG TÀI SẢN	270		2.458.907.544.143	1.597.736.749.254

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Ghi chú	30/06/2009	31/12/2008
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.854.715.246.390	1.016.816.227.765
I. Nợ ngắn hạn	310		1.829.632.546.083	1.006.311.561.908
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	1.460.169.041.609	756.914.584.214
2. Phải trả người bán	312		191.693.618.679	87.495.326.601
3. Người mua trả tiền trước	313		12.820.888.085	7.071.678.240
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	62.600.467.825	58.166.107.247
5. Phải trả người lao động	315		9.008.431.034	41.979.335.633
6. Chi phí phải trả	316		18.219.019.325	15.333.139.078
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		75.121.079.526	39.351.390.895
II. Nợ dài hạn	330		25.082.700.307	10.504.665.857
1. Phải trả dài hạn khác	333		371.472.308	1.133.263.838
2. Vay và nợ dài hạn	334	14	24.289.681.822	9.137.270.195
3 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		421.546.177	234.131.824
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	15	604.192.297.753	580.920.521.489
I. Vốn chủ sở hữu	410		597.414.040.257	569.550.775.380
1. Vốn điều lệ	411		490.640.000.000	490.640.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		159.624.495	54.564.720
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		6.910.633.105	6.910.633.105
4. Cổ phiếu quỹ	414		(20.848.445.761)	(23.623.467.366)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.821.266.211	13.821.266.211
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		106.730.962.207	81.747.778.710
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		6.778.257.496	11.369.746.109
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		6.778.257.496	11.369.746.109
TỔNG NGUỒN VỐN	440		2.458.907.544.143	1.597.736.749.254

Nguyễn Hữu Thành
Tổng Giám đốc
 Ngày 20 tháng 8 năm 2009

Đào Văn Đại
Kế toán trưởng

 Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 06 năm 2009

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Ghi chú	Từ 1/1/2009	Từ 1/1/2008
			đến 30/6/2009	đến 30/6/2008 (Chưa soát xét)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.841.337.536.898	2.843.995.950.131
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		(73.794.841.498)	(36.710.219.682)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		3.767.542.695.400	2.807.285.730.449
4. Giá vốn hàng bán	11		(3.468.659.804.836)	(2.548.826.659.506)
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		298.882.890.564	258.459.070.943
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	29.132.724.318	38.105.285.194
7. Chi phí tài chính	22	17	(52.469.082.610)	(74.361.877.770)
8. Chi phí bán hàng	24		(143.939.021.925)	(156.508.503.004)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(50.997.248.420)	(1.729.216.617)
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		80.610.261.927	63.964.758.746
11. Thu nhập khác	31		3.880.835.091	301.980.566
12. Chi phí khác	32		(9.110.729)	(194.409.264)
13. Lợi nhuận khác	40		3.871.724.362	107.571.302
14. Lợi nhuận trước thuế	50		84.481.986.289	64.072.330.048
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	(10.416.711.493)	-
16. Lợi nhuận sau thuế	60		74.065.274.796	64.072.330.048
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	19	1.517	1.310

Nguyễn Hữu Thành**Tổng Giám đốc**

Ngày 20 tháng 8 năm 2009

Đào Văn Đại**Kế toán trưởng**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 1/1/2009	Từ 1/1/2008
		đến 30/6/2009	đến 30/6/2008
			(Chưa soát xét)
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	84.481.986.289	64.072.330.048
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	6.265.096.887	4.378.564.943
Các khoản dự phòng	03	(9.546.145.924)	11.604.388.704
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(1.148.294.343)	-
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(583.140.439)	83.850.112
Lãi tiền gửi	06	(2.238.022.576)	(675.761.959)
Chi phí lãi vay	07	35.383.450.732	56.042.284.207
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi về vốn lưu động	08	112.614.930.626	135.505.656.055
Tăng các khoản phải thu	09	(141.116.266.177)	(99.718.330.138)
Tăng hàng tồn kho	10	(212.034.071.385)	(146.368.961.204)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	123.222.782.177	(16.431.793.718)
(Tăng)Giảm chi phí trả trước	12	(485.089.712)	1.031.452.491
Tiền lãi vay đã trả	13	(31.829.617.823)	(16.811.250.164)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(413.627.499)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.880.081.380	5.408.600.369
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(51.999.141.714)	(6.369.930.108)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(199.160.020.127)	(143.754.556.417)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(28.298.825.679)	(3.343.178.089)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	588.893.302	-
3. Tiền chi cho vay và mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(236.500.000.000)	(3.016.980.000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(12.781.505.767)	(5.484.800.000)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	11.367.748.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức được chia	27	2.238.022.576	675.761.959
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(263.385.667.568)	(11.169.196.130)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	8.105.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3.318.378.076.859	1.223.149.262.289
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.599.127.629.173)	(981.237.393.164)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(47.625.454.400)	(28.827.280.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	671.624.993.286	221.189.588.325
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền trong kỳ	50	209.079.305.591	66.265.835.778
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	77.643.507.863	38.692.488.822
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	70	286.722.813.454	104.958.324.600

Các ghi chú kèm theo từ trang 8 đến trang 23 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị tính: Đồng

Thông tin bổ sung cho các khoản mục phi tiền tệ:

Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm không bao gồm số tiền 2.970.088.274 đồng (năm 2008: 15.904.497.769 đồng) là giá trị tài sản cố định mua sắm trong kỳ Tổng Công ty chưa thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần giảm các khoản phải trả.

Nguyễn Hữu Thành

Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2009

Đào Văn Đại

Kế toán trưởng

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***1. THÔNG TIN CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và năm công ty con cùng hai công ty liên kết, cụ thể như sau:

Công ty mẹ

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 15 tháng 8 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Công ty mẹ được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Petro Việt Nam hiện đang sở hữu 50.2% vốn điều lệ của Công ty mẹ, các cổ đông khác nắm giữ 49.8% vốn điều lệ còn lại.

Trụ sở chính của Công ty mẹ đặt tại 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Các công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 3 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí biển; Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Trụ sở chính của Petrosetco Vũng Tàu đặt tại 63 đường 30 tháng 4, phường 9, thành phố Vũng Tàu.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Distribution”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 4 tháng 2 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở chính của Petrosetco Distribution đặt tại 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 1 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở chính của Petrosetco Trading đặt tại lầu 3, số 12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lữ hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 1 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 5 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trụ sở chính của Petrosetco Sài Gòn đặt tại 12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Quảng Ngãi (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Quảng Ngãi”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Công ty mẹ tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Trụ sở chính của Petrosetco Quảng Ngãi đặt tại số 2 Quang Trung, thành phố Quảng Ngãi.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN/HN

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “PCB”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 65201000077 ngày 11 tháng 9 năm 2008 do Ban Quản lý Khu kinh tế Dung Quất cấp với thời hạn hoạt động là 69 năm. Hoạt động chính của PCB là sản xuất bio-ethanol, gạch xi và thức ăn gia súc. Trụ sở chính của PCB đặt tại số 1 An Dương Vương, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

Vào ngày 17 tháng 2 năm 2009, Hội đồng quản trị Petro Việt Nam đã chấp thuận việc điều chỉnh cơ cấu vốn góp tại PCB, theo đó phần sở hữu tại PCB của Tổng Công ty giảm từ 51% xuống 30% .

Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PV-Building”) được thành lập dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4300429492 ngày 2 tháng 4 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Hoạt động chính của PV-Building là quản lý, khai thác, duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật trong khu đô thị mới, khu dân cư tập trung về đường giao thông, hệ thống cấp thoát nước, chiếu sáng công cộng; cung cấp, quản lý dịch vụ nhà ở cao tầng. Trụ sở chính của PV-Building đặt tại Khu nhà ở và dịch vụ cho CBCNV Nhà máy lọc dầu Dung Quốc - Khu đô thị mới Vạn Tường, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính HP, Lenovo; xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; sản xuất vỏ bình khí và xây dựng dân dụng và công nghiệp.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 30 tháng 6.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất*

sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2009. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các báo cáo tài chính của công ty con đã được lập cùng kỳ kế toán với Công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng thống nhất tại Công ty mẹ và các công ty con.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi cần thiết, các điều chỉnh sẽ được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá trị ban đầu trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng hoặc sản xuất bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình, trừ dây chuyền sản xuất vỏ bình khí, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm cụ thể như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	4% - 20%
Máy móc thiết bị	14,2% - 20%
Phương tiện vận tải	14,2% - 20%
Dụng cụ quản lý	20% - 25%
Tài sản cố định phúc lợi	0%

Dây chuyền sản xuất vỏ bình khí được tính khấu hao theo sản lượng sản phẩm sản xuất.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh hoặc phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***Tổng Công ty là bên đi thuê**

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất của Tổng Công ty bao gồm quyền sử dụng 22.000 m² đất thuộc khuôn viên Khách sạn Dầu khí Thanh Đa với thời gian sử dụng không xác định và quyền sử dụng 33.042 m² đất tại xã Hố Nai 3, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai trong 43 năm. Tài sản là quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong tám năm. Tài sản là quyền sử dụng đất với thời gian sử dụng không xác định không tính khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí khác có liên quan. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí sản xuất thử của dây chuyền sản xuất vỏ bình khí và các khoản chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo tỷ lệ dịch vụ cung cấp hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải trả của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Tiền mặt	1.455.206.914	2.033.824.003
Tiền gửi ngân hàng	276.951.395.540	75.609.683.860
Tiền đang chuyển	8.316.211.000	-
	286.722.813.454	77.643.507.863

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Cổ phiếu của các công ty niêm yết	-	17.641.827.882
Tiền gửi có kỳ hạn	236.500.000.000	-
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	(12.679.438.000)
	236.500.000.000	4.962.389.882

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi đường	133.958.473.220	29.832.190.897
Nguyên liệu, vật liệu	12.585.334.153	19.525.353.668
Công cụ, dụng cụ	983.957.880	823.663.970
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.378.672.758	10.046.254.220
Thành phẩm	1.372.256.238	349.887.031
Hàng hóa	685.892.620.934	578.890.396.965
Hàng gửi đi bán	3.873.866.054	-
	850.045.181.237	639.467.746.751
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7.468.355.621)	(16.027.807.159)
	842.576.825.616	623.439.939.592

Như trình bày tại Ghi chú số 12, Tổng Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho với tổng giá trị tối thiểu là 64.808.367.715 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 (31 tháng 12 năm 2008: 307.524.339.040 đồng) để đảm bảo cho khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội.

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng, vật kiến trúc <u>VND</u>	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Dụng cụ quản lý <u>VND</u>	Tài sản cố định phúc lợi <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 1/1/2009	92.493.663.460	81.438.893.619	15.163.851.473	3.154.276.828	2.039.463.303	194.290.148.683
Tăng trong kỳ	370.689.090	163.500.955	679.236.892	226.717.077	-	1.440.144.014
Đầu tư XDCB hoàn thành	463.511.959	-	-	-	-	463.511.959
Thanh lý, nhượng bán	-	(370.000.000)	(976.462.793)	-	-	(1.346.462.793)
Giảm khác	-	-	(7.219.282)	(68.181.320)	-	(75.400.602)
Tại ngày 30/6/2009	<u>93.327.864.509</u>	<u>81.232.394.574</u>	<u>14.859.406.290</u>	<u>3.312.812.585</u>	<u>2.039.463.303</u>	<u>194.771.941.261</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 1/1/2009	50.176.548.113	34.458.517.938	9.984.950.196	1.489.580.498	-	96.109.596.745
Trích khấu hao trong kỳ	1.734.748.616	3.170.118.765	685.022.144	487.181.668	-	6.077.071.193
Giảm do thanh lý	-	(370.000.000)	(600.000.000)	(27.625.500)	-	(997.625.500)
Giảm khác	-	-	(377.929.212)	(40.555.820)	-	(418.485.032)
Tại ngày 30/6/2009	<u>51.911.296.729</u>	<u>37.258.636.703</u>	<u>9.692.043.128</u>	<u>1.908.580.846</u>	<u>-</u>	<u>100.770.557.406</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2009	<u>41.416.567.780</u>	<u>43.973.757.871</u>	<u>5.167.363.162</u>	<u>1.404.231.739</u>	<u>2.039.463.303</u>	<u>94.001.383.855</u>
Tại ngày 31/12/2008	<u>42.317.115.347</u>	<u>46.980.375.681</u>	<u>5.178.901.277</u>	<u>1.664.696.330</u>	<u>2.039.463.303</u>	<u>98.180.551.938</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, tài sản cố định bao gồm cả một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 16.886.142.595 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 16.113.108.671 đồng).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VNĐ</u>	Phần mềm <u>VNĐ</u>	Tổng <u>VNĐ</u>
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 1/1/2009 và 30/6/2009	102.646.941.381	1.073.247.920	103.720.189.301
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 1/1/2009	701.485.573	274.571.227	976.056.800
Trích khấu hao trong kỳ	58.677.612	129.348.082	188.025.694
Tại ngày 30/6/2009	760.163.185	403.919.309	1.164.082.494
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2009	101.886.778.196	669.328.611	102.556.106.807
Tại ngày 31/12/2008	101.945.455.808	798.676.693	102.744.132.501

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VNĐ</u>	2008 <u>VNĐ</u>
Số dư đầu kỳ/năm	92.545.425.719	31.318.828.430
Tăng trong kỳ/năm	10.441.991.222	61.448.035.289
Kết chuyển sang tài sản cố định trong kỳ/năm	(463.511.959)	-
Giảm khác trong kỳ/năm	-	(221.438.000)
Số dư cuối kỳ/năm	102.523.904.982	92.545.425.719

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cuối kỳ chủ yếu là giá trị dở dang của công trình Nhà máy Ethanol, công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi, văn phòng chi nhánh Quảng Ngãi và dự án 12 Trương Công Định.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký 30/06/2009 <u>VNĐ</u>	Vốn điều lệ đã góp 30/06/2009 <u>VNĐ</u>	Tỉ lệ sở hữu %
Petrosetco Trading	39.500.000.000	39.500.000.000	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000	100
Petrosetco Vũng Tàu	22.500.000.000	22.500.000.000	100
Petrosetco Quảng Ngãi	29.000.000.000	29.000.000.000	100
Petrosetco Distribution	92.000.000.000	92.000.000.000	100

11. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Tổng Công ty đang sở hữu 30% tổng số vốn, tương đương tỷ lệ quyền biểu quyết, của cả PCB và PV-Building, cụ thể như sau:

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

	Vốn điều lệ đã đăng ký 30/6/2009 VNĐ	Vốn điều lệ đã góp 30/6/2009 VNĐ	Ti lệ sở hữu %
PCB	45.000.000.000	13.500.000.000	30
PV-Building	55.000.000.000	3.300.000.000	30
		16.800.000.000	

Các công ty liên kết này đang trong giai đoạn xây dựng nên doanh thu và chi phí phát sinh không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính của Tổng Công ty.

Thông tin tài chính tổng hợp của các công ty liên doanh, liên kết Tổng Công ty đã góp vốn đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 như sau:

	PV-Building VNĐ	PCB VNĐ
Tổng tài sản	10.850.693.567	43.491.952.361
Tổng nợ phải trả	(10.646.475)	(51.739.525)
Tài sản thuần	10.840.047.092	43.440.212.836

Tổng Công ty cùng Tổng Công ty Chế biến và Kinh doanh các sản phẩm khí và Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam đã ký một hợp đồng hợp tác kinh doanh thành lập Nhà máy sản xuất bình khí để sản xuất và kinh doanh vỏ bình khí, trong đó Tổng Công ty là Nhà điều hành và góp 60% vốn. Số liệu báo cáo về tài sản, công nợ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 cũng như doanh thu và chi phí trong giai đoạn của Nhà máy sản xuất bình khí đã được Tổng Công ty ghi nhận với tỉ lệ 60%, tương ứng với phần vốn góp của Tổng Công ty trong hợp đồng hợp tác kinh doanh, cụ thể như sau:

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Tài sản và công nợ		
Tài sản cố định	46.547.397.401	46.554.616.682
Khấu hao lũy kế tài sản cố định	(6.429.516.754)	(3.631.277.892)
Tài sản dài hạn khác	-	50.501.299
Hàng tồn kho	16.674.309.730	19.473.833.420
Các khoản phải thu	11.735.266.847	5.351.612.582
Tài sản lưu động khác	67.917.678	37.800.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.237.062.533	136.249.612
Các khoản phải trả	(29.498.693.608)	(24.045.131.098)
	43.333.743.827	43.928.204.605

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Kết quả hoạt động kinh doanh trong giai đoạn		
Doanh thu	31.078.823.995	33.244.120.749
Giá vốn	(32.667.995.182)	(30.756.079.837)
Thu nhập khác	1.550.781.238	-
Chi phí hoạt động	(494.915.294)	(4.599.707.745)
Lỗ	(533.305.243)	(2.111.666.833)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2009	31/12/2008
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Chinatrust	95.413.449.005	79.227.974.991
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	596.503.632.810	123.924.439.703
Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	400.000.000.000	400.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	64.808.367.715	153.762.169.520
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	160.520.920.451	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển	140.173.031.886	-
	1.457.419.401.867	756.914.584.214
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	2.749.639.742	-
Tổng cộng:	1.460.169.041.609	756.914.584.214

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Chinatrust là khoản tín dụng dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng với hạn mức là 6.000.000 đô la Mỹ. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng lãi suất SIBOR cộng 1,75% hoặc lãi suất huy động vốn cộng 1,75%. Thời hạn vay là một năm kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam có hạn mức 540.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2009. Khoản vay này không có đảm bảo và có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc ngoại tệ. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm giải ngân.

Khoản vay ngắn hạn Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu Khí Việt Nam có hạn mức tín dụng là 400.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 25 tháng 12 năm 2009. Khoản vay được giải ngân bằng đồng Việt Nam. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất lãi tiền vay một năm là 5.6%.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội được thực hiện dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng có hạn mức là 200.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 30 tháng 9 năm 2009. Khoản vay này có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng 13,6% trên số dư nợ vay là đồng Việt Nam hoặc từ 4,2% đến 7,5% trên số dư nợ vay là đô la Mỹ. Khoản vay được đảm bảo bằng hàng tồn kho của Tổng Công ty với tổng trị giá tối thiểu là 64.808.367.715 đồng tại ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu được thực hiện dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng có hạn mức là 200.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 3 năm 2010. Khoản vay này không có bảo đảm và có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng 10,5% trên số dư nợ vay là đồng Việt Nam hoặc từ 7% đến 8,17% trên số dư nợ vay là đô la Mỹ.

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển được thực hiện dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành thư tín dụng có hạn mức là 300.000.000.000 đồng và sẽ đáo hạn vào ngày 2 tháng 1 năm 2010. Khoản vay này không có bảo đảm và có thể giải ngân bằng đồng Việt Nam hoặc đô la Mỹ và chịu lãi với lãi suất lãi tiền vay một năm bằng 9% trên số dư nợ vay là đồng Việt Nam hoặc 4.2% trên số dư nợ vay là đô la Mỹ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/6/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Thuế giá trị gia tăng	33.899.167.247	33.983.727.756
Thuế tiêu thụ đặc biệt	17.486.434	17.486.434
Thuế xuất nhập khẩu	17.754.540.412	21.988.020.586
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.416.711.493	144.764.557
Các loại thuế khác	512.562.239	2.032.107.914
	62.600.467.825	58.166.107.247

14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Tại ngày 20 tháng 2 năm 2008, Tổng Công ty ký hợp đồng vay dài hạn với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam với số tiền 41.000.000.000 đồng nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Vào tháng 2 năm 2009, Tổng Công ty đã ký thêm phụ lục hợp đồng nâng hạn mức tín dụng lên 58.000.000.000 đồng và thời gian ân hạn đến 31 tháng 8 năm 2009. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và được hoàn trả nửa năm một lần bắt đầu sau thời gian ân hạn 6 tháng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2009, Tổng Công ty đã giải ngân với tổng số tiền là 27.039.321.564 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2008: 9.137.270.195 đồng).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2009	31/12/2008
	<u>VNĐ</u>	<u>VNĐ</u>
Trong vòng một năm	2.749.639.741	-
Trong năm thứ hai	5.499.279.483	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	16.497.838.449	9.137.270.195
Sau năm năm	2.292.563.891	-
	27.039.321.564	9.137.270.195
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	(2.749.639.742)	-
Số phải trả sau 12 tháng	24.289.681.822	9.137.270.195

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	30/6/2009	31/12/2008
Số lượng cổ phần được phép phát hành	55.530.000	55.530.000
Số lượng cổ phần đã phát hành và góp vốn đủ	49.064.000	49.064.000
Số lượng cổ phần được phép mua lại	-	1.014.970
Số lượng cổ phần được phép bán ra	882.760	1.480.970
Số lượng cổ phần đã phát hành nhưng chưa lưu hành	-	-
Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân	48.057.844	48.924.963

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/06/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Quyết định số 169/UBCK-GCN ngày 12 tháng 9 năm 2007 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Tổng Công ty được phép phát hành 1.276.500 cổ phần dùng cho chương trình thu hút nhân tài trong năm, Tổng Công ty đã phát hành 810.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng một cổ phần theo chương trình thu hút nhân tài cho cán bộ công nhân viên của Tổng Công ty.

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu và các quỹ trong năm như sau

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Vốn khác của chủ sở hữu VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ	Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Tại ngày 1/1/2008	482.535.000.000	54.564.720	2.606.381.238	-	5.212.762.477	9.037.915.702	41.702.099.812	541.148.723.949
Tăng trong năm	8.105.000.000	-	4.304.251.867	-	8.608.503.734	6.025.952.614	88.342.328.550	115.386.036.765
Phát hành thêm cổ phiếu	8.105.000.000	-	4.304.251.867	-	-	-	-	12.409.251.867
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	88.342.328.550	88.342.328.550
Phân phối quỹ	-	-	-	-	8.608.503.734	6.025.952.614	-	14.634.456.348
Giảm trong năm	-	-	-	23.623.467.366	-	3.694.122.207	48.296.649.652	75.614.239.225
Trích lập quỹ	-	-	-	-	-	-	18.938.708.215	18.938.708.215
Mua lại cổ phiếu	-	-	-	23.623.467.366	-	-	-	23.623.467.366
Chi tiêu theo qui định	-	-	-	-	-	3.694.122.207	29.357.941.437	33.052.063.644
Tại ngày 31/12/2008	490.640.000.000	54.564.720	6.910.633.105	(23.623.467.366)	13.821.266.211	11.369.746.109	81.747.778.710	580.920.521.489
Tăng trong kỳ	-	105.059.775	-	2.775.021.605	-	-	74.065.274.796	76.945.356.176
Thặng dư bán cổ phiếu quỹ	-	105.059.775	-	-	-	-	-	105.059.775
Bán cổ phiếu quỹ	-	-	-	2.775.021.605	-	-	-	2.775.021.605
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	74.065.274.796	74.065.274.796
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	4.591.488.613	49.082.091.299	53.673.579.912
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	47.625.454.400	47.625.454.400
Điều chỉnh lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	-	-	-	-	-	-	1.456.636.899	1.456.636.899
Chi tiêu theo quy định	-	-	-	-	-	4.591.488.613	-	4.591.488.613
Tại ngày 30/6/2009	490.640.000.000	159.624.495	6.910.633.105	(20.848.445.761)	13.821.266.211	6.778.257.496	106.730.962.207	604.192.297.753

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/06/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

Với sự chấp thuận của Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh tại Quyết định số 1624/SGDHCM - NY ngày 5 tháng 8 năm 2008, trong năm 2008, Tổng Công ty đã mua lại 1.014.970 cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ với giá trị là 23.623.467.366 đồng. Vào ngày 8 tháng 6 năm 2009, Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định số 1085/SGDHCM - NY cho phép Tổng Công ty bán toàn bộ cổ phiếu quỹ. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2009, Tổng Công ty đã bán 132.210 cổ phiếu quỹ.

Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2009, Tổng Công ty chưa trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ với tỷ lệ lần lượt là 7%, 10% và 5% trên lợi nhuận sau thuế (năm 2008 đã trích 18.938.708. 215 đồng theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-DVTHDK ngày 23 tháng 4 năm 2008).

Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty ngày 20 tháng 4 năm 2009 đã phê chuẩn việc chia cổ tức cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 47.625.454.400 đồng. Trong giai đoạn sáu tháng đầu năm 2009, số cổ tức này đã được thanh toán cho các cổ đông. Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã quyết định tạm chi 559.700.000 đồng cổ tức tính cho số cổ phần thu hút nhân tài theo tỷ lệ đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Khoản chênh lệch này sẽ được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt chính thức tại đại hội thường niên.

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét) <u>VNĐ</u>
Lãi tiền gửi	2.238.022.576	675.761.959
Lãi do bán chứng khoán	6.583.138.118	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.053.230.309	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.148.294.343	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	16.110.038.972	37.429.523.235
	29.132.724.318	38.105.285.194

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét) <u>VNĐ</u>
Chi phí lãi vay	36.476.716.941	56.042.284.207
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	14.910.199.492	8.136.123.563
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	904.386.177	-
Chi phí tài chính khác	177.780.000	10.183.470.000
	52.469.082.610	74.361.877.770

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/06/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN**

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 <u>VNĐ</u>	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét) <u>VNĐ</u>
Lợi nhuận trước thuế	84.481.986.289	64.072.330.048
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.148.294.343)	-
Thu nhập được miễn thuế trong kỳ	-	(64.072.330.048)
Thu nhập chịu thuế trong kỳ	83. 333.691.946	-
Thuế suất	12.5%	0%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.416.711.493	-

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế. Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Năm nay là năm đầu tiên Tổng Công ty áp dụng ưu đãi thuế với tỷ lệ thuế suất áp dụng là 12.5%.

Tổng Công ty không ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả hay tài sản thuế thu nhập hoãn lại vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này.

19. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được tạm tính trong kỳ trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét)
Lợi nhuận thuần sau thuế (đồng)	74.065.274.796	64.072.330.048
Trừ: Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (đồng)	(1.148.294.343)	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	72.916.980.453	64.072.330.048
Số cổ phần bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ	48.057.844	48.924.963
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	1.517	1.310

20. CAM KẾT VỐN

	30/6/2009 <u>VNĐ</u>	31/12/2008 <u>VNĐ</u>
Đã ký hợp đồng	49.686.680.934	49.686.680.934

Các cam kết vốn thể hiện số tiền cho các hợp đồng xây dựng nhà xưởng và mua sắm máy móc thiết bị sẽ được thanh toán trong năm tiếp theo.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ12AB Thanh Đa, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXNCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho giai đoạn từ ngày 1/1/2009 đến ngày 30/06/2009

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 – DN/HN***Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất***21. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Doanh thu		
Các đơn vị thành viên của PetroViệt Nam	29.173.137.800	63.195.375.233
Các công ty liên doanh/liên doanh điều hành/hợp đồng phân chia sản phẩm dầu khí của Petro Việt Nam	142.176.261.220	171.280.001.454
Vay vốn		
Petro Việt Nam - nhận nợ vay	-	1.647.543.878.342
Petro Việt Nam - hoàn trả nợ vay	-	(1.752.025.701.252)
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	427.039.321.564	404.380.871.662
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - trả nợ vay	400.000.000.000	-
Các nghiệp vụ khác		
Chi trả cổ tức cho Petro Việt Nam	24.609.285.000	14.765.571.000

Thu nhập của các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong kỳ như sau:

	Từ 1/1/2009 đến 30/6/2009 VNĐ	Từ 1/1/2008 đến 30/6/2008 (Chưa soát xét) VNĐ
Lương	815.826.088	2.606.845.884
Tiền thưởng	1.464.092.554	2.256.092.554
Các khoản phúc lợi khác	351.611.987	159.200.000
	2.631.530.629	5.022.138.438

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2009 như sau:

	30/6/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ
Phải thu		
Phải thu từ Petro Việt Nam	39.372.500	431.617.170
Phải thu từ các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	8.346.941.368	8.688.947.688
Phải thu từ các công ty liên doanh/liên doanh điều hành của Petro Việt Nam	10.991.569.800	14.931.173.808
Phải thu khác		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	-	4.800.000.000
Phải trả		
Phải trả khác cho PetroViệt Nam	-	2.612.500.000
Phải trả các đơn vị thành viên PetroViệt Nam	2.765.265.983	7.915.190.400
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	427.039.321.564	409.137.270.195

GHI CHÚ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 – DN/HN

Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất

23. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 đến ngày 30 tháng 6 năm 2009 được Hội đồng Quản trị phê duyệt phát hành vào ngày 20 tháng 8 năm 2009.